



Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc và
Các báo cáo tài chính giữa niên độ

Ngày 30 tháng 6 năm 2013

Ernst & Young

 **ERNST & YOUNG**

Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt

MỤC LỤC

| | Trang |
|---|---------|
| THÔNG TIN CHUNG | 1 - 2 |
| BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC | 3 |
| CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT | |
| Báo cáo về kết quả công tác soát xét các báo cáo tài chính giữa niên độ | 4 |
| Bảng cân đối kế toán giữa niên độ | 5 - 8 |
| Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ | 9 |
| Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ | 10 - 11 |
| Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu giữa niên độ | 12 |
| Thuyết minh các báo cáo tài chính giữa niên độ | 13 - 44 |

Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt ("Công ty") là một công ty cổ phần thành lập tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4103005723 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 15 tháng 12 năm 2006 và Giấy phép Hoạt động Kinh doanh số 32/UBCK-GPHĐKD ngày 21 tháng 12 năm 2006 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp và theo các Giấy phép điều chỉnh của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước như sau:

| <i>Giấy phép điều chỉnh số</i> | <i>Nội dung điều chỉnh</i> | <i>Ngày cấp</i> |
|--------------------------------|---|--------------------------|
| 32/UBCK-GP | Tăng vốn điều lệ lên 300.000.000.000 đồng | Ngày 15 tháng 8 năm 2007 |
| 147/UBCK-GP | Tăng vốn điều lệ lên 330.000.000.000 đồng | Ngày 8 tháng 8 năm 2008 |
| 312/UBCK-GP | Chuyển trụ sở chính | Ngày 11 tháng 3 năm 2010 |
| 347/UBCK-GP | Tăng vốn điều lệ lên 349.799.870.000 đồng | Ngày 20 tháng 8 năm 2010 |

Hoạt động chính của Công ty bao gồm môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán, tư vấn tài chính, đầu tư chứng khoán và lưu ký chứng khoán.

Công ty có trụ sở chính đặt tại số 141 đường Nguyễn Du, Phường Bến Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh và có các chi nhánh tại Hà Nội, Nha Trang và Cần Thơ.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

| <i>Họ tên</i> | <i>Chức vụ</i> | <i>Ngày bổ nhiệm/Từ nhiệm</i> |
|-------------------------|----------------|-----------------------------------|
| Ông Nguyễn Miên Tuấn | Chủ tịch | Bổ nhiệm ngày 18 tháng 9 năm 2012 |
| Ông Nguyễn Hữu Tú | Phó Chủ tịch | Bổ nhiệm ngày 18 tháng 9 năm 2012 |
| Ông Nguyễn Thúc Vinh | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2012 |
| Bà Nguyễn Nữ Tường Oanh | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2012 |
| Ông Trần Tấn Lộc | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 10 tháng 7 năm 2013 |
| Ông Phạm Hữu Phú | Thành viên | Từ nhiệm ngày 9 tháng 7 năm 2013 |

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

| <i>Họ tên</i> | <i>Chức vụ</i> | <i>Ngày bổ nhiệm</i> |
|------------------------|----------------|---------------------------------------|
| Ông Nguyễn Văn Minh | Trưởng ban | Bổ nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2012 |
| Ông Tôn Thất Diên Khoa | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2012 |
| Ông Đào Công Thắng | Thành viên | Tái bổ nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2012 |

Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

| Họ tên | Chức vụ | Ngày bổ nhiệm |
|----------------------|-------------------|-----------------------------------|
| Ông Nguyễn Hiếu | Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 18 tháng 9 năm 2012 |
| Ông Nguyễn Minh Nhật | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 25 tháng 9 năm 2009 |
| Ông Nguyễn Hữu Tú | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 25 tháng 9 năm 2009 |
| Ông Nguyễn Chí Trung | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 15 tháng 7 năm 2013 |

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là ông Nguyễn Miên Tuấn - Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

Người ký các báo cáo tài chính của Công ty là ông Nguyễn Hiếu, chức danh Tổng Giám đốc, theo ủy quyền của ông Nguyễn Miên Tuấn tại Quyết định số 23/2012/QĐ-HĐQT ngày 16 tháng 10 năm 2012.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt ("Công ty") trình bày báo cáo này và các báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo các báo cáo tài chính giữa niên độ cho từng kỳ kế toán của Công ty phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Công ty. Trong quá trình lập các báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong các báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- ▶ lập các báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã được đăng ký. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập các báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, các báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam, các chính sách kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán được quy định tại Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 và Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 của Bộ Tài chính và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc: 

Ông Nguyễn Hiếu
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 29 tháng 7 năm 2013

Số tham chiếu: 60752721/16472473-SX

BÁO CÁO VỀ KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các cổ đông của Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt

Chúng tôi đã soát xét các báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt ("Công ty") được trình bày từ trang 5 đến trang 44 bao gồm bảng cân đối kế toán giữa niên độ vào ngày 30 tháng 6 năm 2013, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo.

Việc lập và trình bày các báo cáo tài chính giữa niên độ này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc của Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra báo cáo nhận xét về các báo cáo tài chính giữa niên độ này dựa trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam 910 - Công tác soát xét báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công tác soát xét để có sự đảm bảo vừa phải về việc liệu các báo cáo tài chính giữa niên độ có còn các sai sót trọng yếu hay không. Công tác soát xét chủ yếu bao gồm việc trao đổi với nhân viên của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích đối với những thông tin tài chính. Do đó, công tác soát xét cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Dựa trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không nhận thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng các báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam, các chính sách kế toán áp dụng cho các công ty chứng khoán được quy định tại Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 và Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Thông tư số 95/2008/TT-BTC và tuân thủ các quy định có liên quan.



Nguyễn Xuân Đại
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0452-2013-005-1

Nguyễn Quốc Tuấn
Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1841-2013-005-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 29 tháng 7 năm 2013

Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ
ngày 30 tháng 6 năm 2013

B01a-CTCK

VND

| Mã số | TÀI SẢN | Thuyết minh | Ngày 30 tháng 6 năm 2013 | Ngày 31 tháng 12 năm 2012 |
|------------|--|-------------|--------------------------|---------------------------|
| 100 | A. TÀI SẢN NGẮN HẠN | | 1.306.781.682.133 | 564.547.655.665 |
| 110 | I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 4 | 847.020.373.658 | 131.517.142.289 |
| 111 | 1. Tiền | | 845.773.821.288 | 111.517.142.289 |
| 112 | 2. Các khoản tương đương tiền | | 1.246.552.370 | 20.000.000.000 |
| 120 | II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn | | 66.081.633.813 | 47.275.845.234 |
| 121 | 1. Đầu tư ngắn hạn | 6 | 113.099.475.038 | 112.264.390.116 |
| 129 | 2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn | 7 | (47.017.841.225) | (64.988.544.882) |
| 130 | III. Các khoản phải thu ngắn hạn | 8 | 388.296.844.163 | 382.289.159.222 |
| 131 | 1. Phải thu khách hàng | | 180.000.000 | 119.344.818 |
| 132 | 2. Trả trước cho người bán | | 73.416.000 | 25.000.000 |
| 135 | 3. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán | | 270.164.300.807 | 213.772.758.518 |
| 138 | 4. Các khoản phải thu khác | | 135.168.625.245 | 185.661.553.775 |
| 139 | 5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | 9 | (17.289.497.889) | (17.289.497.889) |
| 150 | IV. Tài sản ngắn hạn khác | | 5.382.830.499 | 3.465.508.920 |
| 151 | 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | | 968.529.711 | 657.266.278 |
| 154 | 2. Thuế và các khoản phải thu | | 1.952.277 | - |
| 158 | 3. Tài sản ngắn hạn khác | | 4.412.348.511 | 2.808.242.642 |
| 200 | B. TÀI SẢN DÀI HẠN | | 34.361.629.785 | 35.829.554.997 |
| 220 | I. Tài sản cố định | | 16.072.781.714 | 18.195.819.819 |
| 221 | 1. Tài sản cố định hữu hình | 10 | 9.225.051.923 | 10.754.237.835 |
| 222 | Nguyên giá | | 25.468.891.491 | 30.596.377.520 |
| 223 | Giá trị hao mòn lũy kế | | (16.243.839.568) | (19.842.139.685) |
| 227 | 2. Tài sản cố định vô hình | 11 | 6.419.087.524 | 7.027.640.443 |
| 228 | Nguyên giá | | 10.080.247.524 | 10.177.412.699 |
| 229 | Giá trị hao mòn lũy kế | | (3.661.160.000) | (3.149.772.256) |
| 230 | 3. Chi phí đầu tư xây dựng cơ bản dở dang | 12 | 428.642.267 | 413.941.541 |
| 260 | II. Tài sản dài hạn khác | | 18.288.848.071 | 17.633.735.178 |
| 261 | 1. Chi phí trả trước dài hạn | 13 | 1.212.048.716 | 1.611.136.509 |
| 262 | 2. Tài sản thuế TNDN hoãn lại | 25.3 | 5.352.256.741 | 6.384.932.543 |
| 263 | 3. Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán | 14 | 8.413.836.382 | 6.324.959.894 |
| 268 | 4. Tài sản dài hạn khác | 15 | 3.310.706.232 | 3.312.706.232 |
| 270 | TỔNG CỘNG TÀI SẢN | | 1.341.143.311.918 | 600.377.210.662 |

Công ty Cổ Phần Chứng khoán Rồng Việt

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2013

B01a-CTCK

VND

| Mã số | NGUỒN VỐN | Thuyết minh | Ngày 30 tháng 6 năm 2013 | Ngày 31 tháng 12 năm 2012 |
|------------|---|-------------|--------------------------|---------------------------|
| 300 | A. NỢ PHẢI TRẢ | | 1.100.309.051.244 | 364.685.140.878 |
| 310 | I. Nợ ngắn hạn | | 1.099.537.002.244 | 363.883.785.878 |
| 311 | 1. Vay và nợ ngắn hạn | 16 | 262.704.399.847 | 247.000.000.000 |
| 312 | 2. Phải trả người bán | | 595.096.089 | 628.347.967 |
| 313 | 3. Người mua trả tiền trước | | 756.250.000 | 794.594.818 |
| 314 | 4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 17 | 496.450.902 | 252.776.594 |
| 315 | 5. Phải trả người lao động | | 7.796.755 | 7.796.755 |
| 316 | 6. Chi phí phải trả | 18 | 3.802.981.495 | 3.958.421.537 |
| 319 | 7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác | 19 | 335.245.211.528 | 69.603.406.137 |
| 320 | 8. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán | 20 | 493.539.030.482 | 39.221.581.584 |
| 321 | 9. Phải trả hệ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu | | 2.389.785.146 | 2.416.860.486 |
| 330 | II. Nợ dài hạn | | 772.049.000 | 801.355.000 |
| 333 | 1. Phải trả dài hạn khác | | 772.049.000 | 801.355.000 |
| 400 | B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU | | 240.834.260.674 | 235.692.069.784 |
| 410 | I. Vốn chủ sở hữu | | 240.834.260.674 | 235.692.069.784 |
| 411 | 1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu | | 349.799.870.000 | 349.799.870.000 |
| 412 | 2. Thặng dư vốn cổ phần | | 33.476.130.000 | 33.476.130.000 |
| 418 | 3. Quỹ dự phòng tài chính | | 2.157.158.275 | 2.157.158.275 |
| 419 | 4. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ | | 2.157.158.275 | 2.157.158.275 |
| 420 | 5. Lỗ lũy kế | | (146.756.055.876) | (151.898.246.766) |
| 440 | TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | | 1.341.143.311.918 | 600.377.210.662 |

Công ty Cổ Phần Chứng khoán Rồng Việt

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2013

B01a-CTCK

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

| VND | | | |
|-------|--|--------------------------|---------------------------|
| Mã số | CHỈ TIÊU | Ngày 30 tháng 6 năm 2013 | Ngày 31 tháng 12 năm 2012 |
| 006 | 1. Chứng khoán lưu ký | 8.120.165.900.000 | 6.233.329.670.000 |
| | <i>Trong đó:</i> | | |
| 007 | 1.1. Chứng khoán giao dịch | 3.899.872.810.000 | 3.601.374.890.000 |
| 008 | 1.1.1. Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký | 16.289.800.000 | 1.350.880.000 |
| 009 | 1.1.2. Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước | 3.858.523.920.000 | 3.565.970.250.000 |
| 010 | 1.1.3. Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài | 25.059.090.000 | 34.053.760.000 |
| 012 | 1.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch | 29.948.390.000 | 19.669.680.000 |
| 014 | 1.2.1. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước | 29.948.390.000 | 19.669.680.000 |
| 017 | 1.3. Chứng khoán cầm cố | 3.335.723.550.000 | 2.040.303.630.000 |
| 018 | 1.3.1. Chứng khoán cầm cố của thành viên lưu ký | 12.066.000.000 | 21.076.000.000 |
| 019 | 1.3.2. Chứng khoán cầm cố của khách hàng trong nước | 3.323.657.550.000 | 2.019.227.630.000 |
| 027 | 1.4. Chứng khoán chờ thanh toán | 33.007.710.000 | 51.045.400.000 |
| 028 | 1.4.1. Chứng khoán chờ thanh toán của thành viên lưu ký | 560.000.000 | 1.100.000.000 |
| 029 | 1.4.2. Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước | 31.446.710.000 | 49.944.400.000 |
| 030 | 1.4.3. Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng nước ngoài | 1.001.000.000 | 1.000.000 |
| 032 | 1.5. Chứng khoán phong tỏa chờ rút | - | 14.000.000.000 |
| 034 | 1.5.1. Chứng khoán phong tỏa chờ rút của khách hàng trong nước | - | 14.000.000.000 |

Công ty Cổ Phần Chứng khoán Rồng Việt

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2013

B01a-CTCK

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

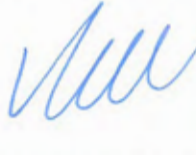
| VND | | | |
|-------|---|--------------------------|---------------------------|
| Mã số | CHỈ TIÊU | Ngày 30 tháng 6 năm 2013 | Ngày 31 tháng 12 năm 2012 |
| 037 | 1.6. Chứng khoán chờ giao dịch | 250.079.700.000 | 617.990.000 |
| 038 | 1.6.1. Chứng khoán chờ giao dịch của thành viên lưu ký | 190.000 | - |
| 039 | 1.6.2. Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng trong nước | 249.805.770.000 | 617.990.000 |
| 040 | 1.6.3. Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng nước ngoài | 273.740.000 | - |
| 042 | 1.7. Chứng khoán ký quỹ đảm bảo khoản vay | 571.533.740.000 | 506.318.080.000 |
| 044 | 1.7.1. Chứng khoán ký quỹ đảm bảo khoản vay của khách hàng trong nước | 571.533.740.000 | 506.318.080.000 |
| 050 | 2. Chứng khoán lưu ký công ty đại chúng chưa niêm yết | 267.815.230.000 | 123.768.080.000 |
| | Trong đó: | | |
| 051 | 2.1. Chứng khoán giao dịch | 265.279.630.000 | 121.409.320.000 |
| 052 | 2.1.1. Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký | 3.470.000 | 2.640.000 |
| 053 | 2.1.2. Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước | 258.036.190.000 | 121.404.810.000 |
| 054 | 2.1.3. Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài | 7.239.970.000 | 1.870.000 |
| 056 | 2.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch | 2.360.600.000 | 2.324.720.000 |
| 058 | 2.2.1. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước | 2.360.600.000 | 2.324.720.000 |
| 071 | 2.3. Chứng khoán chờ thanh toán | 175.000.000 | 34.040.000 |
| 073 | 2.3.1. Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước | 175.000.000 | 34.040.000 |
| 083 | 3. Chứng khoán chưa lưu ký của công ty chứng khoán | 21.291.480.000 | 17.275.000.000 |

Người lập:



Bà Dương Kim Chi
Kế toán Tổng hợp

Người kiểm soát:



Ông Lê Minh Hiền
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt:




Ông Nguyễn Hiếu
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 29 tháng 7 năm 2013

Công ty Cổ Phần Chứng khoán Rồng Việt

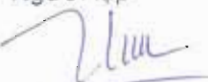
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013

B02a-CTCK

VNĐ

| Mã số | CHỈ TIÊU | Thuyết minh | Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013 | Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012 |
|-----------|--|-------------|--|--|
| 01 | 1. Doanh thu | 22 | 58.470.837.149 | 66.781.331.566 |
| | <i>Trong đó:</i> | | | |
| 01.1 | Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán | | 17.764.608.649 | 20.702.167.867 |
| 01.2 | Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn | | 21.079.505.920 | 7.863.456.817 |
| 01.3 | Doanh thu bảo lãnh phát hành chứng khoán | | - | - |
| 01.4 | Doanh thu đại lý phát hành chứng khoán | | - | - |
| 01.5 | Doanh thu hoạt động tư vấn | | 5.563.931.546 | 13.667.853.625 |
| 01.6 | Doanh thu lưu ký chứng khoán | | 1.620.952.779 | 1.742.599.746 |
| 01.7 | Doanh thu hoạt động ủy thác đầu tư | | - | - |
| 01.8 | Doanh thu cho thuê sử dụng tài sản | | - | - |
| 01.9 | Doanh thu khác | | 12.441.838.255 | 22.805.253.511 |
| 02 | 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | | - | - |
| 10 | 3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh | | 58.470.837.149 | 66.781.331.566 |
| 11 | 4. Chi phí hoạt động kinh doanh chứng khoán | 23 | (35.955.590.016) | (43.549.351.555) |
| 20 | 5. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh | | 22.515.247.133 | 23.231.980.011 |
| 25 | 6. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 24 | (16.757.159.060) | (20.298.936.186) |
| 30 | 7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | | 5.758.088.073 | 2.933.043.825 |
| 31 | 8. Thu nhập khác | | 429.477.353 | 361.027.693 |
| 32 | 9. Chi phí khác | | (12.698.734) | - |
| 40 | 10. Lợi nhuận khác | | 416.778.619 | 361.027.693 |
| 50 | 11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | | 6.174.866.692 | 3.294.071.518 |
| 51 | 12. Chi phí thuế TNDN hiện hành | 25 | - | - |
| 52 | 13. Chi phí thuế TNDN hoãn lại | 25 | (1.032.675.802) | - |
| 60 | 14. Lợi nhuận sau thuế TNDN | | 5.142.190.890 | 3.294.071.518 |
| 70 | 15. Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu | 26 | 147 | 94 |

Người lập:



Bà Dương Kim Chi
Kế toán Tổng hợp

Người kiểm soát:



Ông Lê Minh Hiền
Kế toán Trưởng



Người phê duyệt:



Ông Nguyễn Hiếu
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 29 tháng 7 năm 2013

Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013

B03a-CTCK

VND

| Mã số | CHỈ TIÊU | Thuyết minh | Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013 | Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012 |
|-------|---|-------------|--|--|
| | I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH | | | |
| 01 | Lợi nhuận trước thuế | | 6.174.866.692 | 3.294.071.518 |
| | <i>Điều chỉnh cho các khoản</i> | | | |
| 02 | Khấu hao TSCĐ và phân bổ | 10,11,13 | 2.845.438.753 | 3.596.543.871 |
| 03 | Các khoản dự phòng | 7 | (17.970.703.657) | (31.278.391.725) |
| 05 | Lãi từ hoạt động đầu tư | | (2.434.685.915) | (4.685.661.543) |
| 06 | Chi phí lãi vay | 23 | 16.295.790.339 | 33.439.563.930 |
| 08 | Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động | | 4.910.706.212 | 4.366.126.051 |
| 09 | (Tăng)/giảm các khoản phải thu | | (9.698.667.298) | 166.015.674.760 |
| 10 | (Tăng)/giảm chứng khoán tự doanh và các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn | | (835.084.922) | 52.953.119.267 |
| 11 | Tăng các khoản phải trả | | (675.854.248) | 6.664.389.706 |
| 12 | Tăng các khoản chi phí trả trước | | (189.012.026) | (339.954.890) |
| 13 | Lãi vay đã trả | | (15.982.193.414) | (58.304.502.696) |
| 16 | Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | | - | (48.472.000) |
| 20 | Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào)/từ hoạt động kinh doanh | | (22.470.105.696) | 171.306.380.198 |
| | II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ | | | |
| 21 | Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác | 10,12 | (458.262.996) | (826.668.814) |
| 22 | Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác | | 13.636.364 | 101.363.635 |
| 27 | Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | | 2.433.748.285 | 2.649.485.108 |
| 30 | Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | | 1.989.121.653 | 1.924.179.929 |

Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013

B03a-CTCK

VND

| Mã số | CHỈ TIÊU | Thuyết minh | Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013 | Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012 |
|-------|---|-------------|--|--|
| 33 | III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH Tiền vay ngắn hạn nhận được | | 1.354.217.270.700 | 1.232.871.907.311 |
| 34 | | | (1.338.512.870.853) | (1.410.313.479.675) |
| 40 | Lưu chuyển tiền thuần từ/(sử dụng vào) hoạt động tài chính | | 15.704.399.847 | (177.441.572.364) |
| 50 | Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ | | (4.776.584.196) | (4.211.012.237) |
| 60 | Tiền và tương đương tiền đầu kỳ | 4 | 27.515.953.624 | 24.178.101.507 |
| 61 | Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | | - | - |
| 70 | Tiền và tương đương tiền cuối kỳ | 4 | 22.739.369.428 | 19.967.089.270 |

Người lập:



Bà Dương Kim Chi
Kế toán Tổng hợp

Người kiểm soát:



Ông Lê Minh Hiền
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt:



Ông Nguyễn Hiếu
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 29 tháng 7 năm 2013

Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013

B05a-CTCK

VND

| CHỈ TIÊU | Thuyết minh | Số dư đầu kỳ | | Số tăng/(giảm) | | | | Số dư cuối kỳ | |
|-----------------------------------|-------------|-------------------------|-------------------------|----------------|----------------------|----------|----------------------|--------------------------|--------------------------|
| | | Ngày 1 tháng 1 năm 2012 | Ngày 1 tháng 1 năm 2013 | Kỳ trước | | Kỳ này | | Ngày 30 tháng 6 năm 2012 | Ngày 30 tháng 6 năm 2013 |
| | | | | Tăng | Giảm | Tăng | Giảm | | |
| A | B | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 |
| 1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu | | 349.799.870.000 | 349.799.870.000 | - | - | - | - | 349.799.870.000 | 349.799.870.000 |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần | | 33.476.130.000 | 33.476.130.000 | - | - | - | - | 33.476.130.000 | 33.476.130.000 |
| 3. Quỹ dự phòng tài chính | | 2.157.158.275 | 2.157.158.275 | - | - | - | - | 2.157.158.275 | 2.157.158.275 |
| 4. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ | | 2.157.158.275 | 2.157.158.275 | - | - | - | - | 2.157.158.275 | 2.157.158.275 |
| 5. Lỗ lũy kế | | (124.261.071.043) | (151.898.246.766) | - | 3.294.071.518 | - | 5.142.190.890 | (120.966.999.525) | (146.756.055.876) |
| Cộng | | 263.329.245.507 | 235.692.069.784 | - | 3.294.071.518 | - | 5.142.190.890 | 266.623.317.025 | 240.834.260.674 |

Người lập: *nm*



Bà Dương Kim Chi
Kế toán Tổng hợp

Người kiểm soát:



Ông Lê Minh Hiền
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt:



Ông Nguyễn Hiếu
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 29 tháng 7 năm 2013

Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

B09a-CTCK

vào ngày 30 tháng 6 năm 2013 và cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt ("Công ty") là một công ty cổ phần thành lập tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4103005723 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 15 tháng 12 năm 2006 và Giấy phép Hoạt động Kinh doanh số 32/UBCK-GPHĐKD ngày 21 tháng 12 năm 2006 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp, và theo các Giấy phép điều chỉnh của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước như sau:

| <i>Giấy phép điều chỉnh số</i> | <i>Nội dung điều chỉnh</i> | <i>Ngày cấp</i> |
|--------------------------------|---|--------------------------|
| 32/UBCK-GP | Tăng vốn điều lệ lên 300.000.000.000 đồng | Ngày 15 tháng 8 năm 2007 |
| 147/UBCK-GP | Tăng vốn điều lệ lên 330.000.000.000 đồng | Ngày 8 tháng 8 năm 2008 |
| 312/UBCK-GP | Chuyển trụ sở chính | Ngày 11 tháng 3 năm 2010 |
| 347/UBCK-GP | Tăng vốn điều lệ lên 349.799.870.000 đồng | Ngày 20 tháng 8 năm 2010 |

Hoạt động chính của Công ty bao gồm môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán, tư vấn tài chính, đầu tư chứng khoán, và lưu ký chứng khoán.

Vốn điều lệ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, vốn điều lệ của Công ty là 349.799.870.000 đồng.

Mạng lưới hoạt động

Công ty có trụ sở chính đặt tại số 141 đường Nguyễn Du, Phường Bến Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, Công ty có 3 chi nhánh tại Hà Nội, Nha Trang và Cần Thơ.

Nhân viên

Tổng số nhân viên của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2013 là 150 người (ngày 31 tháng 12 năm 2012: 161 người).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 *Chuẩn mực và Hệ thống kế toán áp dụng*

Các báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VNĐ") phù hợp với Chế độ Kế toán Việt Nam, chính sách kế toán được quy định tại Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 và Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Thông tư số 95/2008/TT-BTC của Bộ Tài chính và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành như sau:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2013 và cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.1 Chuẩn mực và Hệ thống kế toán áp dụng (tiếp theo)

Theo đó, bảng cân đối kế toán giữa niên độ, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và các thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và ngoài ra, không chủ định trình bày tình hình tài chính giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là Nhật ký chung.

2.3 Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

Công ty cũng lập các báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 để nộp cho các cơ quan chức năng theo yêu cầu của Thông tư số 52/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 5 tháng 4 năm 2012.

2.4 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Công ty thực hiện việc ghi chép sổ sách kế toán bằng VND.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Các thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập các báo cáo tài chính giữa niên độ được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập các báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 và các báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012.

3.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Tiền và các khoản tương đương tiền cũng bao gồm các khoản tiền gửi để kinh doanh chứng khoán của nhà đầu tư.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và luôn được phản ánh theo giá gốc trong thời gian tiếp theo.

Dự phòng cho các khoản phải thu được lập căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo tổn thất dự kiến có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đã chết.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2013 và cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.3 Các khoản phải thu (tiếp theo)

Chi phí dự phòng phát sinh được hạch toán vào “Chi phí quản lý doanh nghiệp” trong kỳ. Đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán thì mức trích lập dự phòng rủi ro theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 như sau:

| <i>Thời gian quá hạn</i> | <i>Mức trích dự phòng</i> |
|--|---------------------------|
| Từ trên sáu (6) tháng đến dưới một (1) năm | 30% |
| Từ một (1) năm đến dưới hai (2) năm | 50% |
| Từ hai (2) năm đến dưới ba (3) năm | 70% |
| Từ ba (3) năm trở lên | 100% |

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị khấu hao lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

Nhãn hiệu hàng hóa bao gồm các chi phí để xây dựng chuỗi nhận dạng thương hiệu của Công ty.

Bản quyền bao gồm các chi phí mua bản quyền phần mềm tin học ứng dụng văn phòng và phục vụ giao dịch chứng khoán.

3.6 Khấu hao và khấu trừ

Khấu hao và khấu trừ tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

| | |
|----------------------|-----------|
| Thiết bị văn phòng | 3 - 5 năm |
| Phương tiện vận tải | 6 năm |
| Phần mềm tin học | 6 - 8 năm |
| Nhãn hiệu hàng hóa | 5 năm |
| Bản quyền | 5 năm |
| Tài sản vô hình khác | 5 năm |

Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2013 và cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.7 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó vào thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

3.8 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần từ hai (2) đến năm (5) năm vào kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ:

- ▶ Chi phí cải tạo văn phòng;
- ▶ Chi phí thuê văn phòng;
- ▶ Chi phí vật dụng văn phòng.

3.9 Đầu tư chứng khoán ngắn hạn

Thông tư số 95/2008/TT-BTC cho phép các công ty chứng khoán thực hiện hạch toán kế toán các khoản đầu tư chứng khoán theo một trong hai nguyên tắc là giá gốc hoặc giá trị hợp lý. Theo đó, Công ty đã lựa chọn phương pháp giá gốc để ghi nhận các khoản đầu tư chứng khoán.

Các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn bao gồm các chứng khoán thương mại. Chứng khoán thương mại là những chứng khoán có thời hạn thu hồi không quá một năm hoặc mua vào, bán ra chứng khoán để kiếm lời. Chứng khoán thương mại được ghi nhận theo giá thực tế mua chứng khoán (giá gốc), bao gồm: Giá mua cộng (+) các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng.

Lãi dự thu nhận được trong năm được ghi nhận giảm giá vốn chứng khoán đối với khoản lãi dồn tích trước ngày mua và ghi nhận tăng doanh thu đầu tư đối với phần lãi kể từ ngày mua.

Các chứng khoán này được xem xét khả năng giảm giá tại thời điểm lập báo cáo tài chính giữa niên độ. Chứng khoán thương mại được lập dự phòng khi giá trị ghi sổ lớn hơn giá trị thị trường. Dự phòng giảm giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ trên khoản mục "Chi phí hoạt động kinh doanh".

3.10 Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị thị trường thấp hơn giá trị ghi sổ. Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư có thể chuyển nhượng được trên thị trường vào ngày kết thúc kỳ kế toán tương ứng với chênh lệch giữa giá gốc của cổ phiếu với giá trị thị trường tại ngày đó theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí hoạt động kinh doanh trong kỳ.

Giá trị thị trường của chứng khoán niêm yết được xác định trên cơ sở tham khảo giá khớp lệnh (giá bình quân đối với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, giá đóng cửa đối với Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh) tại ngày 30 tháng 6 năm 2013.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2013 và cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.10 Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn (tiếp theo)

Đối với các chứng khoán của các công ty chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá trị thị trường được xác định là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày lập dự phòng.

Đối với các chứng khoán của các công ty chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá trị thị trường được xác định là giá trung bình trên cơ sở tham khảo báo giá được cung cấp bởi tối thiểu ba (3) công ty chứng khoán có quy mô lớn và uy tín trên thị trường chứng khoán.

Trường hợp không thể thu thập báo giá và/hoặc các thông tin trên thị trường là không đáng tin cậy và/hoặc không thể thu thập được, chứng khoán sẽ được phản ánh theo giá gốc.

3.11 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.12 Lợi ích của nhân viên

3.12.1 Trợ cấp nghỉ hưu

Nhân viên Công ty khi nghỉ hưu sẽ được nhận trợ cấp về hưu từ Bảo hiểm Xã hội thuộc Bộ Lao động và Thương binh Xã hội. Công ty sẽ phải đóng bảo hiểm xã hội cho mỗi nhân viên bằng 17,00% lương cơ bản hàng tháng của họ. Ngoài ra, Công ty không phải có một nghĩa vụ nào khác.

3.12.2 Trợ cấp thôi việc

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại công ty được hơn 12 tháng cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 với mức trích cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 bằng một nửa mức lương bình quân của giai đoạn sáu tháng tính đến thời điểm chấm dứt hợp đồng lao động theo Luật Lao động, Luật Bảo hiểm xã hội và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hay giảm của khoản trích trước này sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh giữa niên độ.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo điều 42 của Bộ Luật Lao động.

3.12.3 Trợ cấp thất nghiệp

Theo Thông tư số 04/2009/TT-BLĐTBXH hướng dẫn Nghị định số 127/2008/NĐ-CP về bảo hiểm thất nghiệp, từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, Công ty có nghĩa vụ đóng bảo hiểm thất nghiệp với mức bằng 1,00% quỹ tiền lương, tiền công đóng bảo hiểm thất nghiệp của những người tham gia bảo hiểm thất nghiệp và trích 1,00% tiền lương, tiền công tháng đóng bảo hiểm thất nghiệp của từng người lao động để đóng cùng lúc vào Quỹ Bảo hiểm Thất nghiệp.

3.13 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các nhà đầu tư sau khi được Đại Hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2013 và cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.14 Các quỹ

Công ty sử dụng lợi nhuận sau thuế hàng năm để trích lập các quỹ theo quy định tại Thông tư số 11/2000/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 1 tháng 2 năm 2000 như sau:

| | <u>Mức trích lập từ lợi nhuận sau thuế</u> | <u>Mức trích lập tối đa</u> |
|--------------------------------|--|-----------------------------|
| Quỹ Dự trữ bổ sung vốn điều lệ | 5% | 10% vốn điều lệ |
| Quỹ Dự trữ bắt buộc | 5% | 10% vốn điều lệ |

Các quỹ khác được trích lập theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông.

3.15 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Trong trường hợp không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Thu nhập từ đầu tư chứng khoán

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán được xác định dựa trên mức chênh lệch giá bán và giá vốn bình quân của chứng khoán.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập, ngoại trừ cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng mà không được ghi nhận là doanh thu.

3.16 Phương pháp tính giá vốn chứng khoán tự doanh bán ra

Công ty áp dụng phương pháp bình quân gia quyền di động để tính giá vốn cổ phiếu tự doanh.

3.17 Thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN")

Thuế TNDN hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế TNDN hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp này, thuế TNDN hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2013 và cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.17 Thuế thu nhập doanh nghiệp (tiếp theo)

Thuế TNDN hiện hành (tiếp theo)

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế TNDN hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập các báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm mà tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2013 và cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

| | VNĐ | |
|---|-----------------------------|------------------------------|
| | Ngày 30 tháng 6 năm 2013 | Ngày 31 tháng 12 năm 2012 |
| Tiền mặt | 59.169.298 | 85.690.875 |
| Tiền gửi ngân hàng | 665.621.549.651 | 104.839.771.045 |
| Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán | 180.093.102.339 | 6.591.680.369 |
| Các khoản tương đương tiền | 1.246.552.370 | 20.000.000.000 |
| TỔNG CỘNG | 847.020.373.658 | 131.517.142.289 |

Nhằm mục đích lập báo cáo lưu chuyển tiền tệ, tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản sau:

| | VNĐ | |
|--|-----------------------------|------------------------------|
| | Ngày 30 tháng 6 năm 2013 | Ngày 31 tháng 12 năm 2012 |
| Tiền mặt | 59.169.298 | 85.690.875 |
| Tiền gửi ngân hàng | 665.621.549.651 | 104.839.771.045 |
| Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán | 180.093.102.339 | 6.591.680.369 |
| Các khoản tương đương tiền | 1.246.552.370 | 20.000.000.000 |
| | 847.020.373.658 | 131.517.142.289 |
| Trừ: | | |
| Tiền thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư (Thuyết minh số 20) | (493.518.849.700) | (38.884.845.600) |
| Tiền ký quỹ giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư (Thuyết minh số 19) | (330.759.567.330) | (65.116.339.565) |
| Cổ tức của nhà đầu tư | (2.587.200) | (3.500) |
| | (824.281.004.230) | (104.001.188.665) |
| TỔNG CỘNG | 22.739.369.428 | 27.515.953.624 |

5. GIÁ TRỊ VÀ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THỰC HIỆN TRONG KỲ

| | Khối lượng chứng khoán thực hiện trong kỳ | Giá trị giao dịch chứng khoán thực hiện trong kỳ |
|-----------------------|--|---|
| | Đơn vị cổ phiếu | VNĐ |
| Của Công ty | 8.268.448 | 145.467.509.058 |
| Cổ phiếu | 8.268.448 | 145.467.509.058 |
| Trái phiếu | - | - |
| Của nhà đầu tư | 733.532.029 | 12.212.881.160.400 |
| Cổ phiếu | 726.414.669 | 11.791.044.332.400 |
| Trái phiếu | 3.700.000 | 397.082.200.000 |
| Chứng khoán khác | 3.417.360 | 24.754.628.000 |
| TỔNG CỘNG | 741.800.477 | 12.358.348.669.458 |

Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2013 và cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

6. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

6.1 Tình hình tăng giảm và hiện có về đầu tư chứng khoán

| | Ngày 31 tháng 12 năm 2012 | Tăng trong kỳ | Giảm trong kỳ | Ngày 30 tháng 6 năm 2013 |
|-----------------|------------------------------|----------------|----------------|-----------------------------|
| Đầu tư ngắn hạn | 112.264.390.116 | 73.151.296.990 | 72.316.212.068 | 113.099.475.038 |

VNĐ

Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2013 và cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

6. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN (tiếp theo)

6.2 Chi tiết các khoản đầu tư ngắn hạn

VNĐ

| | Số lượng cổ phiếu | | Giá trị theo sổ kế toán | | So với giá thị trường | | | | Tổng giá trị theo giá thị trường (*) | |
|--|-------------------|------------|-------------------------|----------------|-----------------------|------------|------------------|------------------|--------------------------------------|----------------|
| | | | | | Tăng | | Giảm | | | |
| | 30/6/2013 | 31/12/2012 | 30/6/2013 | 31/12/2012 | 30/6/2013 | 31/12/2012 | 30/6/2013 | 31/12/2012 | | |
| Cổ phiếu niêm yết | | | | | | | | | | |
| Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội (SHB) | 1.000.437 | 30 | 7.202.778.509 | 144.922 | - | 32.078 | (299.763.209) | - | 6.903.015.300 | 177.000 |
| CTCP Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương (KSB) | 685.981 | 649.971 | 27.488.990.857 | 26.671.842.857 | - | - | (14.523.949.957) | (14.582.382.257) | 12.965.040.900 | 12.089.460.600 |
| CTCP Cơ giới Lắp máy và Xây dựng (VMC) | 542.792 | 528.000 | 29.454.420.448 | 29.218.593.993 | - | - | (22.560.962.048) | (19.714.593.993) | 6.893.458.400 | 9.504.000.000 |
| CTCP Tập đoàn Hóa Phát (HPG) | 150.032 | 7 | 4.730.784.421 | 141.671 | - | 5.329 | (499.882.021) | - | 4.230.902.400 | 147.000 |
| CTCP Kinh doanh và Phát triển Bình Dương (TDC) | 150.000 | - | 1.605.000.000 | - | - | - | (420.000.000) | - | 1.185.000.000 | - |
| CTCP Vincom (VIC) | 100.017 | 8 | 6.484.495.298 | 582.648 | - | 57.352 | (233.432.798) | - | 6.251.062.500 | 640.000 |
| CTCP Hoàng Anh Gia Lai (HAG) | 100.004 | - | 2.230.098.195 | - | - | - | (160.015.395) | - | 2.070.082.800 | - |
| CTCP Đầu tư Phát triển Công nghệ (FPT) | 98.096 | 16 | 4.410.131.736 | 561.736 | - | 1.464 | (309.718.936) | - | 4.100.412.800 | 563.200 |
| CTCP Đầu tư Năm Bảy Bảy (NBB) | 3 | 256.133 | 238.441 | 20.388.984.005 | - | - | (188.341) | (13.755.139.305) | 50.100 | 6.633.844.700 |
| CTCP Hợp tác Kinh tế và Xuất Nhập khẩu (SAV) | - | 60.000 | - | 739.550.000 | - | - | - | (319.550.000) | - | 420.000.000 |
| CTCP Vận Tải Biển Vinaship (VNA) | - | 743.560 | - | 10.681.603.006 | - | - | - | (8.599.635.006) | - | 2.081.968.000 |
| Khác | 10.070 | 8.513 | 152.993.133 | 137.985.278 | 15.187.687 | 4.657.043 | (51.928.520) | (59.244.321) | 116.252.300 | 83.398.000 |
| | 2.837.432 | 2.246.238 | 83.759.931.038 | 87.839.990.116 | 15.187.687 | 4.753.266 | (39.059.841.225) | (57.030.544.882) | 44.715.277.500 | 30.814.198.500 |

(*) Giá trị thị trường của chứng khoán vốn niêm yết được xác định trên cơ sở giá khớp lệnh (giá bình quân đối với các cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, giá đóng cửa đối với các cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh) tại ngày 30 tháng 6 năm 2013.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2013 và cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

6. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN (tiếp theo)

6.2 Chi tiết các khoản đầu tư ngắn hạn (tiếp theo)

| | | VNĐ | | | | | | | |
|---|--|-------------------|------------------|-------------------------|------------------------|----------------------|-------------------|-------------------------|-------------------------|
| | | | | So với giá thị trường | | | | | |
| | | Số lượng cổ phiếu | | Giá trị theo sổ kế toán | | Tăng | | Giảm | |
| | | 30/6/2013 | 31/12/2012 | 30/6/2013 | 31/12/2012 | 30/6/2013 | 31/12/2012 | 30/6/2013 | 31/12/2012 |
| Cổ phiếu chưa niêm yết | | | | | | | | | |
| CTCP Kiến trúc Xây dựng Nhà Vui (NHAVUI) | | | | | | | | | |
| | | 670.500 | 670.500 | 8.524.600.000 | 4.814.400.000 | 24.275.000 | 46.725.000 | - | - |
| CTCP Sản xuất Thủy tinh Việt Nam (SANHSUTTVN) | | | | | | | | | |
| | | 475.000 | 475.000 | 12.500.000.000 | 12.500.000.000 | - | - | (5.800.000.000) | (6.800.000.000) |
| CTCP Cao su Kỹ thuật Đồng Phú (DORUFOAM) | | | | | | | | | |
| | | 450.000 | 450.000 | 4.500.000.000 | 4.500.000.000 | 112.500.000 | - | - | - |
| CTCP XNK Thủy sản Cần Thơ (CASEAMEX) | | | | | | | | | |
| | | 401.648 | - | 1.204.944.000 | - | 1.807.416.000 | - | - | - |
| CTCP Đầu tư và Phát triển Miền Trung (CER) | | | | | | | | | |
| | | 132.000 | 132.000 | 2.610.000.000 | 2.610.000.000 | - | - | (1.158.000.000) | (1.158.000.000) |
| | | 2.129.148 | 1.727.500 | 29.339.544.000 | 24.424.400.000 | 1.944.191.000 | 46.725.000 | (7.958.000.000) | (7.958.000.000) |
| TỔNG CỘNG | | 4.966.580 | 3.973.738 | 113.099.475.038 | 112.264.390.118 | 1.959.378.687 | 51.478.266 | (47.017.841.225) | (64.988.544.882) |
| | | | | | | | | 68.041.012.500 | 47.327.323.700 |

(*) Đối với các chứng khoán vốn chưa niêm yết thì giá trị thị trường được xác định là giá trung bình trên cơ sở tham khảo báo giá được cung cấp bởi tối thiểu ba (3) công ty chứng khoán có quy mô lớn và uy tín trên thị trường chứng khoán. Trường hợp không thể thu thập báo giá và/hoặc các thông tin trên thị trường là không đáng tin cậy và/hoặc không thể thu thập được, chứng khoán sẽ được phản ánh theo giá gốc.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2013 và cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

7. DỰ PHÒNG GIẢM GIÁ CHỨNG KHOÁN

| | Ngày 30 tháng 6 năm 2013 | VNĐ Ngày 31 tháng 12 năm 2012 |
|------------------------|-----------------------------|-------------------------------------|
| Đầu tư ngắn hạn | | |
| Cổ phiếu niêm yết | 39.059.841.225 | 57.030.544.882 |
| Cổ phiếu chưa niêm yết | 7.958.000.000 | 7.958.000.000 |
| TỔNG CỘNG | 47.017.841.225 | 64.988.544.882 |

Tình hình thay đổi dự phòng giảm giá chứng khoán trong kỳ như sau:

| | Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013 | VNĐ Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 |
|--|---|--|
| Số dư đầu kỳ | 64.988.544.882 | 94.108.984.658 |
| Tăng trong kỳ (Thuyết minh số 23) | 7.934.489.944 | 19.125.897.049 |
| Hoàn nhập trong kỳ (Thuyết minh số 23) | (25.905.193.601) | (48.246.336.825) |
| Số cuối kỳ | 47.017.841.225 | 64.988.544.882 |

Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2013 và cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

8. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN

VND

Số dự phòng
đã lập

| | 31/12/2012 | | | Số phát sinh trong kỳ | | 30/6/2013 | | | |
|---|------------------------|------------|-----------------------|--------------------------|--------------------------|------------------------|------------|-----------------------|-----------------------|
| | Tổng số | Số quá hạn | Số khó đòi | Tăng | Giảm | Tổng số | Số quá hạn | Số khó đòi | |
| 1. Phải thu khách hàng | 119.344.818 | - | - | 1.748.562.276 | 1.687.907.094 | 180.000.000 | - | - | - |
| 2. Trả trước cho người bán | 25.000.000 | - | - | 2.977.741.478 | 2.929.325.478 | 73.416.000 | - | - | - |
| 3. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán | 213.772.758.518 | - | 20.428.180.911 | 1.641.112.251.855 | 1.584.720.709.566 | 270.164.300.807 | - | 19.922.468.783 | 15.311.289.411 |
| - Phải thu khách hàng về giao dịch chứng khoán | 1.078.566.884 | - | - | 20.874.533.557 | 20.385.195.500 | 1.567.904.941 | - | - | - |
| - Phải thu dịch vụ ứng trước cho nhà đầu tư | - | - | - | 1.214.281.772.782 | 1.195.408.773.715 | 18.872.999.067 | - | - | - |
| - Phải thu khách hàng về nghiệp vụ giao dịch kỳ quỹ và hợp tác đầu tư | 210.983.181.634 | - | 20.428.180.911 | 397.307.453.088 | 358.691.787.923 | 249.598.846.799 | - | 19.922.468.783 | 15.311.289.411 |
| - Thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán | 1.710.870.000 | - | - | 8.648.492.428 | 10.234.952.428 | 124.410.000 | - | - | - |
| - Phải thu khác | 140.000 | - | - | - | - | 140.000 | - | - | - |
| 4. Các khoản phải thu khác | 185.661.553.775 | - | 1.978.208.478 | 149.219.792.995 | 199.712.721.525 | 135.168.625.245 | - | 1.978.208.478 | 1.978.208.478 |
| - Lãi từ hợp đồng hợp tác đầu tư | 11.556.535.879 | - | - | 26.928.805.650 | 22.805.175.638 | 15.680.165.891 | - | - | - |
| - Khoản phải thu nhân viên | 1.978.208.478 | - | 1.978.208.478 | - | - | 1.978.208.478 | - | 1.978.208.478 | 1.978.208.478 |
| - Ủy thác đầu tư | 47.550.701.826 | - | - | 55.906.892 | 35.604.793 | 47.571.003.925 | - | - | - |
| - Các khoản phải thu ngắn hạn khác | 124.576.107.592 | - | - | 122.235.080.453 | 176.871.941.094 | 69.939.246.951 | - | - | - |
| TỔNG CỘNG | 399.578.657.111 | - | 22.406.389.389 | 1.795.058.348.604 | 1.789.050.663.663 | 405.586.342.052 | - | 21.900.677.261 | 17.289.497.889 |

Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2013 và cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

9. TÌNH HÌNH TRÍCH LẬP CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÓ ĐÒI

| | VNĐ | |
|-----------------------|---|---|
| | Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013 | Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 |
| Số dư đầu kỳ | 17.289.497.889 | 9.750.521.762 |
| Số trích lập trong kỳ | - | 7.538.976.127 |
| Số dư cuối kỳ | 17.289.497.889 | 17.289.497.889 |

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

| | VNĐ | | |
|-----------------------------------|--------------------|---------------------|-----------------|
| | Thiết bị văn phòng | Phương tiện vận tải | Tổng cộng |
| Nguyên giá | | | |
| Ngày 1 tháng 1 năm 2013 | 25.998.944.420 | 4.597.433.100 | 30.596.377.520 |
| Mua trong kỳ | 443.562.270 | - | 443.562.270 |
| Giảm do thanh lý | (28.219.400) | - | (28.219.400) |
| Kết chuyển sang chi phí trả trước | (5.542.828.900) | - | (5.542.828.900) |
| Ngày 30 tháng 6 năm 2013 | 20.871.458.391 | 4.597.433.100 | 25.468.891.491 |
| <i>Trong đó:</i> | | | |
| <i>Đã khấu hao hết</i> | - | - | - |
| Giá trị hao mòn lũy kế | | | |
| Ngày 1 tháng 1 năm 2013 | 16.855.316.963 | 2.986.822.722 | 19.842.139.685 |
| Khấu hao trong kỳ | 1.527.908.786 | 309.889.255 | 1.837.798.041 |
| Giảm do thanh lý | (15.520.666) | - | (15.520.666) |
| Kết chuyển sang chi phí trả trước | (5.420.577.493) | - | (5.420.577.493) |
| Ngày 30 tháng 6 năm 2013 | 12.947.127.591 | 3.296.711.977 | 16.243.839.568 |
| Giá trị còn lại | | | |
| Ngày 1 tháng 1 năm 2013 | 9.143.627.457 | 1.610.610.378 | 10.754.237.835 |
| Ngày 30 tháng 6 năm 2013 | 7.924.330.800 | 1.300.721.123 | 9.225.051.923 |

Trong kỳ Công ty đã kết chuyển giá trị còn lại của các TSCĐ có nguyên giá dưới 30.000.000 đồng sang chi phí trả trước ngắn hạn do không đủ tiêu chuẩn ghi nhận là TSCĐ theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt

THUYẾT MINH CÁC BẢO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2013 và cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

VNĐ

| | Phần mềm tin học | Nhãn hiệu hàng hóa | Bản quyền, bằng sáng chế | Tài sản vô hình khác (**) | Tổng cộng |
|---------------------------------------|---------------------|-----------------------|-----------------------------|------------------------------|----------------|
| Nguyên giá | | | | | |
| Ngày 1 tháng 1 năm 2013 | 8.349.362.903 | 307.500.192 | 1.061.858.926 | 458.690.678 | 10.177.412.699 |
| Kết chuyển sang chi phí trả trước (*) | - | - | 97.165.175 | - | 97.165.175 |
| Ngày 30 tháng 6 năm 2013 | 8.349.362.903 | 307.500.192 | 964.693.751 | 458.690.678 | 10.080.247.524 |
| Trong đó: | | | | | |
| Đã khấu hao hết | - | - | 964.693.751 | 51.690.678 | 1.016.384.429 |
| Giá trị hao mòn lũy kế | | | | | |
| Ngày 1 tháng 1 năm 2013 | 1.729.414.244 | 138.375.081 | 1.061.858.926 | 220.124.005 | 3.149.772.256 |
| Khấu hao trong kỳ | 537.102.900 | 30.750.018 | - | 40.700.001 | 608.552.919 |
| Kết chuyển sang chi phí trả trước (*) | - | - | 97.165.175 | - | - |
| Ngày 30 tháng 6 năm 2013 | 2.266.517.144 | 169.125.099 | 964.693.751 | 260.824.006 | 3.661.160.000 |
| Giá trị còn lại | | | | | |
| Ngày 1 tháng 1 năm 2013 | 6.619.948.659 | 169.125.111 | - | 238.566.673 | 7.027.640.443 |
| Ngày 30 tháng 6 năm 2013 | 6.082.845.759 | 138.375.093 | - | 197.866.672 | 6.419.087.524 |

(*) Trong kỳ Công ty đã kết chuyển giá trị còn lại của các TSCĐ có nguyên giá dưới 30.000.000 đồng sang chi phí trả trước ngắn hạn do không đủ tiêu chuẩn ghi nhận là TSCĐ theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

(**) Tài sản vô hình khác bao gồm các chi phí xây dựng hệ thống bảng giá điện tử và các trang thông tin điện tử hỗ trợ cung cấp thông tin cho nhà đầu tư.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2013 và cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

12. CHI PHÍ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN

Khoản mục này thể hiện các khoản chi phí mua phần mềm lõi chứng khoán và các chi phí trực tiếp khác liên quan đến việc triển khai xây dựng phần mềm lõi này để phục vụ cho quản lý hoạt động Công ty trong lĩnh vực chứng khoán. Chi tiết như sau:

| | Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013 | VNĐ Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 |
|--|---|--|
| Số dư đầu kỳ | 413.941.541 | 329.672.000 |
| Tăng trong kỳ | 14.700.726 | 384.123.541 |
| Kết chuyển sang tài sản cố định hữu hình | - | 101.467.337 |
| Kết chuyển sang tài sản cố định vô hình | - | 198.386.663 |
| Số dư cuối kỳ | 428.642.267 | 413.941.541 |

13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

| | Ngày 30 tháng 6 năm 2013 | VNĐ Ngày 31 tháng 12 năm 2012 |
|---|-----------------------------|-------------------------------------|
| Chi phí trả trước trang thiết bị nội thất | 809.897.734 | 1.070.619.867 |
| Chi phí trả trước thi công, lắp đặt bảng hiệu, hệ thống cáp mạng, hệ thống điện, phần mềm | 402.150.982 | 540.516.642 |
| Tổng cộng | 1.212.048.716 | 1.611.136.509 |

Tình hình phân bổ chi phí trả trước trong năm như sau:

| | Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013 | VNĐ Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 |
|----------------------|---|--|
| Số dư đầu kỳ | 1.611.136.509 | 2.652.914.653 |
| Phân bổ trong kỳ | (399.087.793) | (1.041.778.144) |
| Số dư cuối kỳ | 1.212.048.716 | 1.611.136.509 |

Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2013 và cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

14. TIỀN NỘP QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN

Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán phản ánh các khoản tiền ký quỹ tại các Sở giao dịch chứng khoán.

Theo Quyết định số 60/2004/QĐ-BTC ngày 15 tháng 7 năm 2004, Quyết định số 72/2005/QĐ-BTC ngày 21 tháng 10 năm 2005 của Bộ Tài chính và Quyết định số 17/QĐ-TTLK ngày 2 tháng 4 năm 2008 của Trung tâm Lưu ký thuộc Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Công ty phải ký quỹ một khoản tiền ban đầu là 120 triệu đồng tại mỗi trung tâm giao dịch chứng khoán và hàng năm phải đóng thêm 0,01% tổng giá trị chứng khoán mỗi giới của năm trước.

Biến động tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán trong kỳ như sau:

| | Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013 | VNĐ Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 |
|----------------------|---|--|
| Số dư đầu kỳ | 6.324.959.894 | 5.464.182.780 |
| Tiền nộp bổ sung | 1.408.189.258 | 363.547.217 |
| Tiền lãi nhận được | 680.687.230 | 497.229.897 |
| Số dư cuối kỳ | 8.413.836.382 | 6.324.959.894 |

15. TÀI SẢN DÀI HẠN KHÁC

Tài khoản này thể hiện các khoản tiền đặt cọc thuê văn phòng trụ sở chính, chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh và chi nhánh ở Hà Nội của Công ty.

16. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

| | Kỳ hạn | Lãi suất (%/năm) | Ngày 30 tháng 6 năm 2013 VNĐ | Ngày 31 tháng 12 năm 2012 VNĐ | Tài sản đảm bảo |
|--|-------------|---------------------|------------------------------------|-------------------------------------|--------------------|
| Vay từ Ngân hàng | | | | | |
| TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam | | | | | |
| Bổ sung vốn kinh doanh | 3 - 6 tháng | 13,00 | 48.800.000.000 | 72.000.000.000 | Cổ phiếu |
| Vay thấu chi | 1 - 7 ngày | 13,00 | 13.223.990.847 | - | Tin chấp |
| Nhận góp vốn theo Hợp đồng hợp tác đầu tư | | | | | |
| Nhận từ cá nhân | 3 tháng | 10,00 - 10,50 | 25.680.409.000 | - | Tin chấp |
| Nhận từ đối tượng khác | 6 tháng | 12,50 | 175.000.000.000 | 175.000.000.000 | Tin chấp |
| TỔNG CỘNG | | | 262.704.399.847 | 247.000.000.000 | |

Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2013 và cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

| | VNĐ | |
|-----------------------|-----------------------------|------------------------------|
| | Ngày 30 tháng 6 năm 2013 | Ngày 31 tháng 12 năm 2012 |
| Thuế thu nhập cá nhân | 460.870.133 | 210.999.321 |
| Thuế giá trị gia tăng | 35.580.769 | 41.777.273 |
| TỔNG CỘNG | 496.450.902 | 252.776.594 |

18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

| | VNĐ | |
|--|-----------------------------|------------------------------|
| | Ngày 30 tháng 6 năm 2013 | Ngày 31 tháng 12 năm 2012 |
| Lương tháng 13 | 900.000.000 | 1.744.133.010 |
| Chi phí môi giới, phí lưu ký chứng khoán | 898.969.131 | 520.014.576 |
| Lãi vay và lãi hợp tác đầu tư phải trả | 829.652.481 | 516.055.556 |
| Hoa hồng đại lý | - | 63.233.956 |
| Các khoản khác | 1.174.359.883 | 1.114.984.439 |
| TỔNG CỘNG | 3.802.981.495 | 3.958.421.537 |

19. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

| | VNĐ | |
|---|-----------------------------|------------------------------|
| | Ngày 30 tháng 6 năm 2013 | Ngày 31 tháng 12 năm 2012 |
| Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn | 28.749.468 | 29.534.592 |
| Tiền ký quỹ giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư (Thuyết minh số 4) | 330.759.567.330 | 65.116.339.565 |
| Phải trả khác | 4.456.894.730 | 4.457.531.980 |
| TỔNG CỘNG | 335.245.211.528 | 69.603.406.137 |

20. PHẢI TRẢ HOẠT ĐỘNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

Đây là khoản tiền giao dịch bù trừ của các giao dịch chứng khoán chờ đến ngày thanh toán cho Trung tâm lưu ký chứng khoán và các hoạt động giao dịch chứng khoán khác phải trả.

| | VNĐ | |
|---|-----------------------------|------------------------------|
| | Ngày 30 tháng 6 năm 2013 | Ngày 31 tháng 12 năm 2012 |
| Thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư (Thuyết minh số 4) | 493.518.849.700 | 38.884.845.600 |
| Phải trả tổ chức, cá nhân khác | 20.180.782 | 336.735.984 |
| TỔNG CỘNG | 493.539.030.482 | 39.221.581.584 |

Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2013 và cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU

| | 30/6/2013 (cổ phiếu) | 31/12/2012 (cổ phiếu) |
|--|-------------------------|--------------------------|
| Số lượng cổ phiếu được phép phát hành | 34.979.987 | 34.979.987 |
| Số lượng cổ phiếu đã phát hành | 34.979.987 | 34.979.987 |
| Số lượng cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ | 34.979.987 | 34.979.987 |
| Cổ phiếu phổ thông | 34.979.987 | 34.979.987 |
| Cổ phiếu ưu đãi | - | - |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành | 34.979.987 | 34.979.987 |
| Cổ phiếu phổ thông | 34.979.987 | 34.979.987 |
| Cổ phiếu ưu đãi | - | - |

22. DOANH THU

| | Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013 | VNĐ Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012 |
|---|---|--|
| Doanh thu hoạt động kinh doanh chứng khoán | | |
| Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn | 21.079.505.920 | 7.863.456.817 |
| Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán | 17.764.608.649 | 20.702.167.867 |
| Doanh thu từ hoạt động tư vấn tài chính và đầu tư | 5.563.931.546 | 13.667.853.625 |
| Doanh thu lưu ký chứng khoán | 1.620.952.779 | 1.742.599.746 |
| Doanh thu khác | 12.441.838.255 | 22.805.253.511 |
| Các khoản giảm trừ doanh thu | - | - |
| Doanh thu thuần | 58.470.837.149 | 66.781.331.566 |

23. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CHỨNG KHOÁN

| | Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013 | VNĐ Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012 |
|---|---|--|
| Chi phí hoạt động tư doanh chứng khoán | 22.913.622.776 | 25.482.921.171 |
| Chi phí lãi vay | 16.295.790.339 | 33.439.563.930 |
| Chi phí nhân viên | 6.839.747.041 | 7.063.206.128 |
| Chi phí hoạt động môi giới chứng khoán | 4.135.799.248 | 5.080.390.564 |
| Chi phí hoạt động lưu ký chứng khoán | 1.712.279.303 | 1.855.913.151 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 1.014.959.732 | 1.016.762.309 |
| Chi phí bằng tiền khác | 438.713.873 | 179.078.959 |
| Chi phí vật liệu và công cụ lao động | 30.907.781 | 29.029.260 |
| Chi phí tư vấn tài chính | - | 313.000.000 |
| Chi phí khác | 544.473.580 | 387.877.808 |
| | 53.926.293.673 | 74.827.743.280 |
| Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán | 7.934.489.944 | 11.847.852.469 |
| Hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán | (25.905.193.601) | (43.126.244.194) |
| TỔNG CỘNG | 35.955.590.016 | 43.549.351.555 |

Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2013 và cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

24. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

| | VNĐ | |
|--------------------------------------|---|---|
| | Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013 | Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 7.068.279.957 | 7.977.355.049 |
| Chi phí nhân viên | 6.745.729.071 | 7.575.547.906 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 1.431.391.228 | 1.986.127.470 |
| Chi phí bằng tiền khác | 471.125.550 | 505.276.279 |
| Chi phí vật liệu và công cụ lao động | 471.721.441 | 610.429.387 |
| Chi phí khác | 568.911.813 | 1.644.200.095 |
| TỔNG CỘNG | 16.757.159.060 | 20.298.936.186 |

25. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế TNDN với mức thuế suất là 25% lợi nhuận tính thuế trong kỳ.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

25.1 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế.

Công ty ước tính mức thuế TNDN trong kỳ kế toán như sau:

| | VNĐ | |
|---|---|---|
| | Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013 | Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012 |
| Lợi nhuận kế toán trước thuế | 6.174.866.692 | 3.294.071.518 |
| Trừ: | | |
| Thu nhập cổ tức không chịu thuế | (2.433.748.285) | (4.584.297.908) |
| Cộng: | | |
| Các khoản chi phí không được khấu trừ | 389.584.800 | 18.700.000 |
| Lợi nhuận điều chỉnh trước thuế chưa cần trừ lỗ kỳ trước | 4.130.703.207 | (1.271.526.390) |
| Lỗ kỳ trước chuyển sang | (4.130.703.207) | - |
| Lỗ tính thuế ước tính trong kỳ | - | (1.271.526.390) |
| Thuế TNDN hiện hành ước tính trong kỳ | - | - |

Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2013 và cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

25. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

25.2 Chuyển lỗ

Theo qui định thuế hiện hành, Công ty được phép chuyển các khoản lỗ tính thuế sang các kỳ sau để bù trừ với lợi nhuận thu được trong vòng 5 năm kể từ năm tiếp theo năm phát sinh khoản lỗ đó.

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2013, Công ty có khoản lỗ tính thuế mang sang là 178.464.501.638 VNĐ có thể bù trừ với lợi nhuận chịu thuế phát sinh trong tương lai. Chi tiết như sau:

| Năm phát sinh | Có thể chuyển lỗ đến năm | Số lỗ tính thuế phát sinh | Số lỗ tính thuế đã được sử dụng | | Số lỗ tính thuế chưa sử dụng tại ngày 30/6/2013 |
|---------------|--------------------------|---------------------------|---------------------------------|-------------------------|---|
| | | | đến ngày 30/6/2013 | Số không được chuyển lỗ | |
| 2008 | 2013 | 94.430.567.580 | (72.283.631.558) | (737.909.056) | 21.409.026.966 |
| 2011 | 2016 | 129.456.680.868 | - | - | 129.456.680.868 |
| 2012 | 2017 | 27.598.793.804 | - | - | 27.598.793.804 |
| | | 251.486.042.252 | (72.283.631.558) | (737.909.056) | 178.464.501.638 |

VNĐ

25.3 Thuế TNDN hoãn lại

Công ty đã ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại với các biến động trong kỳ này và kỳ trước như sau:

| | Bảng cân đối kế toán | | Ảnh hưởng đến báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh | |
|--|--------------------------|---------------------------|--|--|
| | Ngày 30 tháng 6 năm 2013 | Ngày 31 tháng 12 năm 2012 | Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013 | Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012 |
| Tài sản thuế thu nhập hoãn lại | | | | |
| Lỗ tính thuế có thể sử dụng để bù trừ với thu nhập chịu thuế trong tương lai | 5.352.256.741 | 6.384.932.543 | 1.032.675.802 | - |
| Chi phí thuế TNDN hoãn lại thuần | | | 1.032.675.802 | - |

VNĐ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, Công ty có khoản lỗ tính thuế ước tính phát sinh trong năm 2011 và 2012 có thể sử dụng để bù trừ với thu nhập chịu thuế trong tương lai là 157.055.474.672 VNĐ. Tuy nhiên, Công ty không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho khoản lỗ tính thuế này do Công ty chưa chắc chắn về khả năng Công ty sẽ có đủ lợi nhuận tính thuế để sử dụng tài sản thuế này trong tương lai.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2013 và cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

26. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lãi sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu:

| | Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013 | Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012 |
|---|---|---|
| Lãi sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VNĐ) | 5.142.190.890 | 3.294.071.518 |
| Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (đơn vị) | 34.979.987 | 34.979.987 |
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VNĐ) | 147 | 94 |

27. TÌNH HÌNH THU NHẬP CỦA NHÂN VIÊN

| | Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013 | Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012 |
|------------------------------------|---|---|
| Tổng quỹ lương | 13.585.476.112 | 14.638.754.034 |
| Tiền thưởng | - | - |
| Tổng thu nhập | 13.585.476.112 | 14.638.754.034 |
| Tiền lương bình quân (tháng/người) | 14.330.671 | 13.332.198 |
| Thu nhập bình quân (tháng/người) | 14.330.671 | 13.332.198 |

28. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

28.1 Nghiệp vụ với các bên liên quan

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ bao gồm:

| Mối quan hệ | Nội dung nghiệp vụ | Giá trị |
|-------------|---------------------------------|-----------------|
| Cổ đông | Lãi tiền gửi | 2.215.076.947 |
| | Lãi tiền vay | 3.252.362.629 |
| | Vay ngắn hạn | 178.153.393.182 |
| | Thanh toán vay ngắn hạn | 201.353.393.182 |
| | Giao dịch bán cổ phiếu tự doanh | 55.000.000.000 |

Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2013 và cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

28. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

28.1 Nghiệp vụ với các bên liên quan (tiếp theo)

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2013, Công ty có các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

| | | VNĐ |
|--------------------|---------------------------------------|----------------------------|
| <u>Mối quan hệ</u> | <u>Nội dung nghiệp vụ</u> | <u>Phải thu/(Phải trả)</u> |
| Cổ đông | Vay ngắn hạn | (48.800.000.000) |
| | Tiền gửi | 22.267.289.266 |
| | Phải thu mua bán cổ phiếu tự doanh | 69.462.294.150 |
| | Phải thu nghiệp vụ hợp tác đầu tư | 22.185.654.000 |
| Bên liên quan khác | Phải thu ủy thác đầu tư | 47.571.003.925 |
| | Phải trả theo hợp đồng hợp tác đầu tư | (175.000.000.000) |

Bên liên quan khác là các doanh nghiệp do các thành viên quản lý chủ chốt của Công ty nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2013 và cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

28. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

28.2 Thông tin báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

| | TP.HCM (*) | Hà Nội | Nha Trang | Cần Thơ | VNĐ Tổng cộng |
|---|-----------------------|------------------------|----------------------|----------------------|-----------------------|
| Doanh thu | | | | | |
| - Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán | 15.493.108.981 | 1.470.105.241 | 235.903.689 | 565.490.738 | 17.764.608.649 |
| - Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn | 21.079.505.920 | - | - | - | 21.079.505.920 |
| - Doanh thu bảo lãnh phát hành chứng khoán | - | - | - | - | - |
| - Doanh thu hoạt động tư vấn | 5.433.931.546 | 130.000.000 | - | - | 5.563.931.546 |
| - Doanh thu lưu ký chứng khoán | 1.620.952.779 | - | - | - | 1.620.952.779 |
| - Doanh thu khác | 11.331.305.178 | 992.229.328 | 231.607.174 | 316.173.928 | 12.871.315.608 |
| Tổng cộng | 54.958.804.404 | 2.592.334.569 | 467.510.863 | 881.664.666 | 58.900.314.502 |
| Chi phí hoạt động kinh doanh trong kỳ năm | 46.737.038.593 | 4.187.737.387 | 715.267.084 | 1.085.404.746 | 52.725.447.810 |
| Tổng lợi nhuận/(lỗ) | 8.221.765.811 | (1.595.402.818) | (247.756.221) | (203.740.080) | 6.174.866.692 |

(*) Trụ sở chính của Công ty ở TP.HCM đã thực hiện chi một số chi phí hoạt động cho toàn Công ty nhưng không phân bổ tới các chi nhánh.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2013 và cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

28. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

28.3 Các cam kết hoạt động

Công ty thuê văn phòng cho trụ sở chính và chi nhánh dưới hình thức thuê hoạt động. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, các khoản thanh toán tiền thuê đến hạn theo các hợp đồng thuê hoạt động như sau:

| | VNĐ | |
|------------------|-----------------------------|------------------------------|
| | Ngày 30 tháng 6 năm 2013 | Ngày 31 tháng 12 năm 2012 |
| Dưới 1 năm | 9.153.971.072 | 8.918.058.716 |
| Từ 1 đến 5 năm | 37.704.365.440 | 37.698.721.680 |
| Trên 5 năm | 4.428.667.008 | 8.076.331.930 |
| TỔNG CỘNG | 51.287.003.520 | 54.693.112.326 |

28.4 Trình bày bổ sung các thông tin về tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC

Ngày 6 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính ("Thông tư 210") có hiệu lực cho các năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2011. Thông tư 210 đã đưa ra các định nghĩa về công cụ tài chính, bao gồm tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, công cụ tài chính phái sinh và công cụ vốn chủ sở hữu cũng như quy định cách thức phân loại, trình bày và thuyết minh các loại công cụ này.

Do Thông tư 210 chỉ quy định việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính, các khái niệm dưới đây theo Thông tư 210 chỉ áp dụng đối với việc lập thuyết minh này. Các khoản mục tài sản và nợ của Công ty vẫn được ghi nhận và hạch toán theo các quy định hiện hành của các Chuẩn mực Kế toán và Hệ thống Kế toán Việt Nam, các chính sách kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán được quy định tại Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 và Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 của Bộ Tài chính và tuân thủ các quy định có liên quan đến việc lập và trình bày các báo cáo tài chính kèm theo.

Tài sản tài chính

Các tài sản tài chính của Công ty theo phạm vi của Thông tư số 210/2009/TT-BTC bao gồm tiền mặt, vàng bạc, đá quý, các khoản tiền, vàng gửi tại các tổ chức tín dụng, các khoản chứng khoán kinh doanh, chứng khoán đầu tư, các khoản phải thu và các tài sản theo các hợp đồng phái sinh tiền tệ.

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC, tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, thành một trong các loại sau:

- Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ:

Là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - ✓ Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại/ mua lại trong thời gian ngắn;
 - ✓ Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - ✓ Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2013 và cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

28. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

28.4 Trình bày bổ sung các thông tin về tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC (tiếp theo)

b) Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, đơn vị xếp tài sản tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

▪ Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn:

Là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà đơn vị có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- Các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ;
- Các tài sản tài chính đã được xếp vào nhóm sẵn sàng để bán;
- Các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

▪ Các khoản cho vay và phải thu:

Là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- Các khoản mà đơn vị có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và cũng như các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được đơn vị xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ;
- Các khoản được đơn vị xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- Các khoản mà người nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

▪ Tài sản sẵn sàng để bán:

Là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- Các khoản cho vay và các khoản phải thu;
- Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn;
- Các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty theo phạm vi của Thông tư 210/2009/TT-BTC bao gồm các khoản vay và các khoản phải trả.

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC, nợ phải trả tài chính, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, được phân loại một cách phù hợp thành:

Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2013 và cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

28. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

28.4 Trình bày bổ sung các thông tin về tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC (tiếp theo)

- **Nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ**

Là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- a) Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - ✓ Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại/ mua lại trong thời gian ngắn;
 - ✓ Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - ✓ Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- b) Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, đơn vị xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

- **Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ**

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại vào nhóm được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ sẽ được phân loại vào nhóm các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Bù trừ các tài sản và nợ phải trả tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ nếu, và chỉ nếu, Công ty có quyền hợp pháp thực hiện việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2013 và cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

28. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

28.4 Trình bày bổ sung các thông tin về tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC (tiếp theo)

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong các báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty như sau:

| | Giá trị ghi sổ | | | | Giá trị hợp lý |
|--|------------------------|------------------------|---|--------------------------|-----------------|
| | Chứng khoán kinh doanh | Cho vay và phải thu | Tài sản và nợ khác hạch toán theo giá trị phân bổ | Tổng cộng giá trị ghi sổ | |
| | VNĐ | VNĐ | VNĐ | VNĐ | VNĐ |
| Tài sản tài chính | | | | | |
| Đầu tư tài chính ngắn hạn | | | | | |
| Cổ phiếu niêm yết | 83.759.931.038 | - | - | 83.759.931.038 | 44.715.277.500 |
| Cổ phiếu chưa niêm yết | 29.339.544.000 | - | - | 29.339.544.000 | (*) |
| Phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác | - | 405.512.926.052 | - | 405.512.926.052 | (*) |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | - | - | 847.020.373.658 | 847.020.373.658 | 847.020.373.658 |
| Tổng cộng | 113.099.475.038 | 405.512.926.052 | 847.020.373.658 | 1.365.632.774.748 | |
| Nợ phải trả tài chính | | | | | |
| Vay và nợ | - | - | 262.704.399.847 | 262.704.399.847 | (*) |
| Phải trả người bán | - | - | 595.096.089 | 595.096.089 | (*) |
| Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán | - | - | 493.539.030.482 | 493.539.030.482 | (*) |
| Chi phí phải trả | - | - | 2.902.981.495 | 2.902.981.495 | (*) |
| Các khoản phải trả, phải nộp khác | - | - | 338.362.497.206 | 338.362.497.206 | (*) |
| Tổng cộng | - | - | 1.098.104.005.119 | 1.098.104.005.119 | |

(*) Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính này không thể xác định được do hiện nay chưa có các hướng dẫn và qui định cụ thể của Bộ Tài chính về xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2013 và cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

28. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

28.5 Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính

Công ty có phát sinh rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản trong quá trình hoạt động kinh doanh.

Nhiệm vụ quản lý rủi ro là nhiệm vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Công ty để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Tổng Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, tiền gửi, các khoản đầu tư sẵn sàng để bán.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và nợ vay của Công ty. Đây là các khoản đầu tư ngắn hạn và không được Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ sự tăng lên trong giá trị.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Phân tích về mức độ nhạy cảm với lãi suất không được thực hiện cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2013 vì các khoản vay trong năm có lãi suất cố định.

Rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tình hình không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý giá rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Đầu tư của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết của Công ty là 44.715.277.500 VNĐ (ngày 31 tháng 12 năm 2012: 30.814.198.500 VNĐ). Nếu giá của các cổ phiếu này giảm 10% thì lợi nhuận sau thuế của Công ty sẽ giảm khoảng 4.471.527.750 VNĐ (ngày 31 tháng 12 năm 2012: 3.081.419.850 VNĐ), phụ thuộc vào việc giảm giá trị này có đáng kể hoặc kéo dài hay không. Nếu giá của các cổ phiếu này tăng lên 10%, lợi nhuận sau thuế của Công ty sẽ tăng lên khoảng 4.471.527.750 VNĐ (ngày 31 tháng 12 năm 2012: 3.081.419.850 VNĐ).

Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2013 và cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

28 NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

28.5 Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Công ty quản lý rủi ro tín dụng khách hàng dựa trên các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Các khoản phải thu khách hàng chưa trả thường xuyên được theo dõi. Các phân tích về khả năng lập dự phòng được thực hiện tại ngày lập báo cáo trên cơ sở từng khách hàng đối với các khách hàng lớn. Công ty tìm cách duy trì kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và thành lập một bộ phận kiểm soát để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Các hoạt động cảnh báo nguy cơ giảm tiền ký quỹ của khách hàng được thực hiện đúng hạn và tuân thủ theo đúng bản chất của sản phẩm hợp đồng hợp tác đầu tư và giao dịch ký quỹ.

Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty liên quan đến một số lượng lớn khách hàng đa dạng, do đó không có rủi ro tập trung về tín dụng.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng lớn tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng từ số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trong bảng cân đối kế toán tại mỗi kỳ lập báo cáo tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 4.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2013 và cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

28. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

28.5 Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)

Rủi ro thanh khoản (tiếp theo)

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở chưa được chiết khấu:

| | Bắt kỳ thời điểm nào | Đến 3 tháng | Từ 3 - 12 tháng | VNĐ Tổng cộng |
|--|----------------------|------------------------|------------------------|--------------------------|
| Ngày 30 tháng 6 năm 2013 | | | | |
| Vay ngắn hạn | - | 67.704.399.847 | 195.000.000.000 | 262.704.399.847 |
| Phải trả người bán | - | - | 595.096.089 | 595.096.089 |
| Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán | - | 493.539.030.482 | - | 493.539.030.482 |
| Chi phí phải trả | - | 898.969.131 | 2.004.012.364 | 2.902.981.495 |
| Các khoản phải trả, phải nộp khác | 3.146.035.146 | 335.216.462.060 | - | 338.362.497.206 |
| | 3.146.035.146 | 897.358.861.520 | 197.599.108.453 | 1.098.104.005.119 |
| Ngày 31 tháng 12 năm 2012 | | | | |
| Vay ngắn hạn | - | 63.500.000.000 | 183.500.000.000 | 247.000.000.000 |
| Phải trả người bán | - | - | 628.347.967 | 628.347.967 |
| Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán | - | 39.221.581.584 | - | 39.221.581.584 |
| Chi phí phải trả | - | 516.055.556 | 1.698.232.971 | 2.214.288.527 |
| Các khoản phải trả, phải nộp khác | 3.211.455.304 | 69.530.058.103 | - | 72.741.513.407 |
| | 3.211.455.304 | 172.767.695.243 | 185.826.580.938 | 361.805.731.485 |

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn thanh toán trong vòng 12 tháng có thể được tái tục với các bên cho vay hiện tại.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2013 và cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

28. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

28.5 Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)

Các khoản đảm bảo

Công ty có cầm cố, thế chấp các chứng khoán tự doanh cho các khoản vay tại Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam.

Công ty nắm giữ các khoản chứng khoán như tài sản cầm cố của khách hàng cho các khoản phải thu khách hàng tại ngày 30 tháng 6 năm 2013.

29. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày lập bảng cân đối kế toán giữa niên độ yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong các báo cáo tài chính giữa niên độ.

Người lập: 

Người kiểm soát:

Người phê duyệt:

21m

Người ph
CÔNG TY
CỔ PHẦN
CHỨNG KHOAN
RỒNG VIỆT
QUẬN 1 TP. HỒ CHÍ MINH
Ông Ng



Bà Dương Kim Chi
Kế toán Tổng hợp

Ông Lê Minh Hiền
Kế toán Trưởng

Ông Nguyễn Hiếu
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 29 tháng 7 năm 2013

Ernst & Young

Assurance | Tax | Transactions | Advisory

About Ernst & Young

Ernst & Young is a global leader in assurance, tax, transaction and advisory services. World-wide, our 130,000 people are united by our shared values and an unwavering commitment to quality. We make a difference by helping our people, our clients and our wider communities achieve potential.

For more information, please visit

www.ey.com

© 2008 Ernst & Young Vietnam Limited.
All Rights Reserved.

Ernst & Young refers to the global organization of member firms of Ernst & Young Global Limited, each of which is a separate legal entity. Ernst & Young Global Limited, a UK company limited by guarantee, does not provide services to clients.

